

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 31-7-2023.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 111/2023/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 03 năm 2023, về việc *“ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 07 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2023. Giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thùy D, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thùy D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Nguyễn Quốc N đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi về sống chung vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, hai bên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Ông N không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên đi ngoại tình, về đánh đập tôi, không coi trọng tôi và xúc phạm đến gia đình vợ. Từ tháng 01/2023 cho đến nay tôi và ông N đã sống ly thân. Thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn với ông N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm: Cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 và cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017. Nguyên vọng tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017 cho đến khi tròn 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tròn 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Quốc N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với bà Nguyễn Thùy D về sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 28/01/2008. Sau khi về sống chung vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, coi thường lẫn nhau, bố cô D thường xuyên xúc phạm chửi bới tôi. Ngày 19/05/2022 bố vợ cùng vợ chồng chị gái của vợ tôi đến nhà đánh đập tôi. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2023. Nay bà D làm đơn xin ly hôn, tôi cho rằng vợ chồng không hợp nhau nữa, nhưng việc mâu thuẫn không phải do tôi, nên tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 và cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017 cho đến khi tròn 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng không lý do, nên vụ án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên yêu cầu của mình, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Quốc N; về con chung, giao cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017 cho bà Nguyễn Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 cho ông Nguyễn Quốc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thùy D là đúng thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thùy Dương với ông Nguyễn Quốc N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/01/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân: Cuộc sống hôn nhân giữa các bên có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thật sự hiểu nhau, chia sẻ cuộc sống chung, làm cho tình trạng mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Do đó, trên thực tế từ tháng 01/2023 cho đến nay, hôn nhân đã không còn tồn tại, tình cảm hai bên đã không còn dành cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, bà D được ly hôn với ông N.

[3] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 và cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017. Nguyên vọng của bà D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017 cho đến khi tròn 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi tròn 18 tuổi. Nguyên vọng của ông N xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017 và giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh của bà D, ông N, độ tuổi của các con chung, có xét đến nguyện vọng của cháu P xin được ở với ông N. Do đó, hiện nay cháu L còn nhỏ tuổi, cần được sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ, nên cần thiết giao cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017 cho bà Nguyễn Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 cho ông Nguyễn Quốc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Nguyễn Thùy D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai thu số AA/2022/0000869, ngày 13 tháng 03 năm 2023.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Quốc N.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/11/2017 cho bà Nguyễn Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 09/01/2009 cho ông Nguyễn Quốc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thùy D, ông Nguyễn Quốc N có quyền đi lại thăm, chăm sóc con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà D, ông N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thùy D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai thu số AA/2022/0000869, ngày 13 tháng 03 năm 2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Trí Lý